TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**
Bản án số: 108/2024/DS-ST Ngày: 06 - 8 - 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Long

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST - DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp A, xã VT, huyện VTh, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc P, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số BCD, ấp TT A, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Ông là anh vợ của ông Trần Ngọc P. Do cần tiền

tiêu xài cá nhân nên ông P có mượn (vay) của ông 05 chỉ vàng 18k và 16.000.000 đồng cùng 02 chiếc xe máy (Suzuki – chưa có biển số và Honda wave alpha biển số 95B1-19186). Ông không nhớ thời gian cụ thể cho ông P mượn tiền và mượn xe. Ông chỉ nhớ số vàng tổng cộng cho mượn là 05 chỉ vàng 18k và 02 xe như trong đơn khởi kiện đã nêu. Hiện nay ông chỉ biết ông P ở địa chỉ nêu trên và cũng không biết các xe ở đâu. Do vậy ông không yêu cầu Tòa án thành lập Hội đồng xem xét tại chỗ đối với tài sản tranh chấp là các xe nêu trên được. Tất cả việc cho mượn này đều thỏa thuận miệng và không có giấy tờ.

Ông Trần Ngọc P trình bày: Ông không nhớ thời gian nào, ông có mượn (vay) tiền và vàng của ông N đúng như yêu cầu khởi kiện của ông N (16.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 18k). Riêng các xe theo đơn khởi kiện của ông N thì ông không có mượn. Hiện nay hoàn cảnh ông khó khăn, còn phải nuôi con nhỏ một mình (vì ông và vợ đã ly hôn). Do đó chưa có khả năng thanh toán số tiền và vàng nêu trên cho ông N. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N đòi tiền và vàng mà ông đã mượn thì ông thống nhất. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 6; khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N. Buộc ông Trần Ngọc P trả cho ông Trần Minh N số tiền 16.000.000 đồng và 05

chỉ vàng 24k. Đình chỉ đối với phần yêu cầu đòi 01 xe Suzuki – chưa có biển số và 01 xe Honda wave alpha biển số 95B1-19186.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Minh N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản với bị đơn ông Trần Ngọc P có nơi cư trú tại số 599 ấp TT A, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về nội dung: Ông Trần Minh N yêu cầu ông Trần Ngọc P trả số tiền 16.000.000 đồng, số vàng 05 chỉ vàng 18k và 01 xe nhãn hiệu Suzuki – chưa có biển số và 01 xe nhãn hiệu Honda wave alpha biển số 95B1-19186. Theo sự trình bày của ông N thì việc cho vay tiền và mượn xe chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản và cũng không có người chứng kiến. Ông Trần Ngọc P thừa nhận có vay số tiền 16.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 18k của ông N, không thừa nhận có mượn các xe theo đơn khởi kiện của ông N.

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy, ông N yêu cầu ông P trả số tiền 16.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 18k. Ông thừa nhận có vay mượn số tiền và vàng nêu trên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của ông Trần Minh N.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N đòi ông P trả 01 xe nhãn hiệu Suzuki – chưa có biển số và 01 xe nhãn hiệu Honda wave alpha biển số 95B1-19186. Tại phiên tòa ông Trần Minh N tự nguyện rút lại yêu cầu này. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của ông N.

[3] Ông Trần Minh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 494; 496 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N. Buộc ông Trần Ngọc P trả cho ông Trần Minh N số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) và 15 chỉ vàng, loại vàng 18k.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N đòi ông Trần Ngọc P trả 01 xe Suzuki – chưa có biển số và 01 xe Honda wave alpha biển số 95B1-19186, do ông N rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Ngọc P phải chịu án phí sơ thẩm là 2.221.250 đồng . Ông Trần Minh N không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông N đã nộp 2.175.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện TL được hoàn lại đủ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có mặt tại tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TL;
- TAND TPCT;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm